TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2023/HS-PT
Ngày: 07/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Phong
Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình
Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2023/TLPT-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Trương Thị T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2023/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo kháng cáo: **Trương Thị T** (tên gọi khác: Yến), sinh năm 1999 tại tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký thường trú: Thôn N, xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trương Văn Đ, sinh năm 1965 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1962; bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; bị cáo có chồng là Hứa Văn B, sinh năm 1991 và có một người con là Hứa Văn K, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2022 đến ngày 13/01/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh cho đến nay "bị cáo có mặt tại phiên tòa".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9/2019 anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1993, ngụ ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai có đăng ký và kinh doanh quán cà phê sân vườn

"S" tại ấp 3, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Đến đầu năm 2020 anh Q đã sang nhượng toàn bộ quán cà phê cho H (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 50.000.000 đồng. Từ thời điểm này H kinh doanh tại đây. Đến khoảng tháng 9/2022 qua giới thiệu từ người quen nên Trương Thị T xin vào làm việc tại quán cà phê sân vườn "S" do H quản lý. Khi vào làm việc H thỏa thuận công việc khi có khách đến uống nước thì T pH phục vụ với các loại hình tùy theo nhu cầu của khách gồm: Massage kích dục bằng tay giá 200.000 đồng, massage kích dục bằng miệng 250.000 đồng, bán dâm giá 500.000 đồng/lượt, mỗi lần phục vụ khách T phải đưa H số tiền 150.000 đồng, khi làm việc tại quán T được bao ăn ở không mất thêm chi phí nào khác.

Đến tháng 10/2022 H giao lại quán cà phê này cho T quản lý và trả hàng tháng cho T 3.000.000 đồng. Công việc của T ngoài việc phục vụ khách còn có trách nhiệm quản lý và thu tiền của nhân viên khi phục vụ khách và đi chợ nấu ăn cho nhân viên. Trong thời gian này H không ở quán, không đến lấy tiền mà giao cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) đến lấy tiền thu nhập từ hoạt động kinh doanh tại quán. Trong thời gian T làm quản lý thì có 02 nhân viên phục vụ khách với loại hình kích dục, bán dâm gồm Lê Thị T và Nguyễn Thị T

Ngày 23/11/2022 Nguyễn Văn G và Vũ Văn H vào quán cà phê uống nước thì T cùng với T2 đi ra chòi để thỏa thuận hình thức phục vụ với khách, lúc này G chọn T2 nên T2 dẫn G ra chòi lá số 03, G đưa cho T2 số tiền mua dâm là 500.000 đồng, còn H không muốn T phục vụ nên T lên nhà kêu T2 xuống chòi phục vụ cho H nghe vậy T2 cùng H vào chòi số 04. Đồng thời T2 đưa cho T số tiền 500.000 đồng là số tiền H đưa cho T2 để mua dâm. Do T không có tiền thối nên T2 giữ lại. Trong khi G với T2, H với T2 đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại chòi của quán cà phê thì bị lực lượng Công an thành phố Đ kiểm tra bắt quả tang và khám xét sau đó đưa tất cả về Cơ quan Công an thành phố Đ làm việc, tại đây Trương Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2023/HSST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trương Thị T phạm tội "*Chứa mại dâm".*

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Thị T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2022 đến ngày 13/01/2023.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11/5/2023 bị cáo Trương Thị T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trương Thị T thay đổi yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị T, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2023/HSST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trương Thị T được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Thị T thay đổi yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo, việc thay đổi kháng cáo của bị cáo là phù hợp Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Thị T thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu cụ thể:

T là quản lý quán cà phê "S" tại ấp 3, xã T, thành phố Đ do H (không rõ nhân thân, lai lịch) làm chủ, ngày 23/11/2022 T có hành vi chứa mại dâm cho Lê Thị T với Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị T2 và Vũ Văn H quan hệ tình dục tại các chòi số 3, số 4 của quán. Số tiền thu được từ Nguyễn Văn G, Vũ Văn H thì T2, T2 nhận 350.000 đồng/khách, số còn lại T thay H thu 150.000 đồng/khách. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố T phạm tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trương Thị T thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo T các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đồng thời xem xét đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xử phạt bị cáo mức án 01 năm 03 tháng tù là đã phù hợp.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng tại ấp 3, xã T, thành phố Đ (có xác nhận của chính quyền địa phương). Xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo mà không cần thiết pH cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, bị cáo đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt

01 năm 03 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí phúc thẩm: Bị cáo Trương Thị T không pH chịu

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trương Thị T.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2023/HSST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với bị cáo Trương Thị T.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trương Thị T phạm tội "*Chứa mại dâm".*

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Thị T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 07/8/2023)

Giao bị cáo Trương Thị T cho Uỷ ban nhân dân xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì thời gian cho hưởng án treo được tính vào thời hạn tù. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Thị T không pH chịu.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND, VKS, CA TP. Đ;
- CQTHAHS CA TP. Đ;
- CQĐT CA TP.Đ;
- Chi cục THADS TP. Đ;
- UBND xã T, TP Đ
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Viết Phong